

**TT - Đ̣ ôn thi ṭt nghịp THPT môn tiếng Anh ṭt và đ̣t ḳt qụ cao, ḥc sinh c̣n theo sát sách giáo khoa *Tịng Anh 12*. Hãy xem ḷi pḥn ṭ ṿng trong sách giáo khoa ḷp 10, 11 ṿi các cḥ đ̣m ṿ môi tṛng, ṭ cḥ c qụ c ṭ, văn hóa tḥ thao, nghị nghịp và giáo ḍc. Ngoài vịc ḥc ṭ ṿng (vocabulary), ḥc sinh c̣n chú ý các đ̣m sau:**

**Verb tenses:** ḥc sinh c̣n chú ý khi dùng ngôi tḥ ba số ít tḥ thì simple present; trong văn ḳ tḥng dùng ṿi các thì quá kḥ nḥt là thì simple past; nḥng câu có after/before/since tḥng dùng ṿi past simple và present perfect; thì present continuous dùng trong câu có các ṭ "now/at the present/while", xem các cách đ̣n ṭ ṭng lai c̣a "simple future/future with going to/present continuous/simple present", thì c̣a đ̣ng ṭ trong các câu đ̣u kịn (conditional sentence) và ḷi nói gián tịp (reported speech).

**Verb forms:** chú ý các tṛng ḥp dùng gerund (V-ing) sau ṃt số đ̣ng ṭ hay c̣m đ̣ng ṭ nḥ like, avoid, hate, start, enjoy, do you mind, I don't mind, keep... be fed up with, be afraid of, be fond of, be aware of, be interested in, look forward to, be used to (quen ṿi), be used for, can't help... Let + obj + do something; Help + obj + (to) do something; Have + person + do + something; Have + something + done; Watch + obj + V-ing; Make + obj + do something; Be made + to do something.

Ví ḍ: A computer can help us (to) solve many complicated problems. It's too late. Let's go.

**Các c̣u trúc:** passive voice, reported speech, relative clause (còn g̣i là adjective clause), participial phrase, to-infinitive phrase, conditional sentence (ba lọi câu đ̣u kịn). Pḥn này có tḥ chịm trên 1/5 số đ̣m nḥng ṇm ṛi rác ̣ nhịu ṇi.

**Gịi ṭ đ̣ ṿi các ṭ cḥ tḥi gian và ṇi cḥn, gịi ṭ đ̣ ṿi đ̣ng ṭ, đ̣ ṿi tính ṭ... ṇm ṛi rác trong các bài ḥc (unit), đ̣c bịt c̣n chú ý các phrasal verb có trong sách giáo khoa chụn (unit 14 & 15 và trong Test yourself F).**

**Cách dùng c̣a các ṭ ṇi:** because và because of/so, although/in spite of/despite/but/ even though/however/therefore (unit 7 & 9), cách dùng articles a, an, the, no article (sách giáo khoa chụn unit 8).

**Phân biệt cách dùng:** so... that/such... that/too... for... to/not + adj + enough to do something/enough + noun/as... as/not so... as/adj-er + than/more adj + than/double comparative/the + comparative..., the + comparative.../

**Cách phát âm những âm cuối "s", "ed", "ch" và một số nguyên âm hoặc phụ âm cuối sinh động hay nhm n.** "Ed" được phát âm là /t/ khi đứng sau các phụ âm vô thanh, "s" được phát âm là /s/ khi cũng đứng sau các phụ âm vô thanh và chữ "t".

Phương pháp làm bài thi: Cấu trúc đề thi theo Bộ GD-ĐT quy định năm nay có thay đổi một chút: ngữ pháp - từ vựng (22 câu) và câu có chức năng giao tiếp (3 câu). Đề thi có 50 câu và kiểm tra số trả lời đúng trong trình.

Để làm quen trước với nội dung (instruction) bằng tiếng Anh, học sinh có thể xem những câu mẫu trong sách hướng dẫn ôn thi của Các Khoa thí và kiểm tra nội dung giáo dục, Bộ GD-ĐT.

Khi làm bài thi thí sinh nên làm nội dung trên xu hướng, không dành quá lâu cho những câu khó mà hãy tạm thời bỏ qua để tránh tốn thời gian và gây mệt mỏi cho trí óc. Sau khi đã làm xong các câu vừa số cần quay trở lại làm các câu chưa trả lời.

Phần khả năng đọc cũng nên làm sau vì phần hiểu về nội dung vẫn mới làm tốt được, tuy nhiên nếu được khả năng thí sinh đọc tốt để đi tìm cao phần này.

Khoảng bảy phút cuối giờ thi, thí sinh cần ngừng làm hết các câu trả lời, khả năng những câu chưa hết sẽ yên tâm.

Thầy LÊ THANH HÙNG

(Đã từng giảng dạy tại Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, TP.HCM)